CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2020

GIẤY UỶ QUYỀN

(Số: 33.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh ủy quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

2. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được ủy quyền.

3. Thời hạn ủy quyền: Việc ủy quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
TỔNG GIÁM ĐỐC *Phan Thanh Bình*	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Đào Việt Anh*

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Ký ngày: 19/3/2021 15:59:10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (từ nhiệm ngày 05/03/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 33/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

M.S.D.N: 0200793081
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 090 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**74.658.384.189**	**73.758.924.111**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**56.020.370.348**	**11.162.131.062**
1. Tiền	111		5.020.370.348	5.162.131.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**45.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	-	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**18.223.007.933**	**17.566.084.418**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.635.912.548	1.363.014.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.427.371	20.003.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	16.507.668.014	16.183.066.529
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**415.005.908**	**30.708.631**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	415.005.908	30.708.631
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**175.999.607.584**	**177.890.803.996**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.892.000.000**	**15.205.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	8.800.000.000	15.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	92.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**1.092.760.467**	**1.266.600.119**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.092.760.467	1.266.600.119
- Nguyên giá	*222*		*9.328.713.864*	*9.328.713.864*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(8.235.953.397)*	*(8.062.113.745)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**11**	**165.591.640.789**	**161.310.361.240**
1. Đầu tư vào công ty con	251		167.096.120.074	163.036.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.504.479.285)	(1.725.758.834)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**423.206.328**	**108.842.637**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	423.206.328	108.842.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**250.657.991.773**	**251.649.728.107**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.225.304.674**	**8.322.326.339**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**4.147.304.674**	**8.319.326.339**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.038.579.164	1.922.738.683
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.355	61.896.168
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	108.968.894	346.820.886
4. Phải trả người lao động	314		220.494.900	175.672.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		592.041.000	827.652.600
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.017.010.594	4.955.978.118
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		170.160.767	28.567.634
II. Nợ dài hạn	**330**		**78.000.000**	**3.000.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	78.000.000	3.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**246.432.687.099**	**243.327.401.768**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**15**	**246.432.687.099**	**243.327.401.768**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*187.110.000.000*	*187.110.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.095.490.500)	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		875.146.852	825.550.013
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		108.532.185	70.539.052
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.662.139.062	67.644.443.703
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*60.635.006.221*	*50.585.345.348*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*10.027.132.841*	*17.059.098.355*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**250.657.991.773**	**251.649.728.107**

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**28.537.936.196**	**23.331.508.243**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**28.537.936.196**	**23.331.508.243**
4. Giá vốn hàng bán	11	18	23.108.336.289	19.743.607.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**5.429.599.907**	**3.587.901.054**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	18.359.006.655	18.422.228.793
7. Chi phí tài chính	22	21	(217.548.624)	69.408
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*16.555.556*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.049.952.422	4.283.468.354
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	**30**		**18.956.202.764**	**17.726.592.085**
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	14.025.175
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**-**	**(14.025.175)**
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**18.956.202.764**	**17.712.566.910**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	565.031.923	653.468.555
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**18.391.170.841**	**17.059.098.355**

M.S.D.N: 0200793081 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***18.956.202.764***	***17.712.566.910***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	173.839.652	350.222.506
- Các khoản dự phòng	03	(221.279.549)	(17.365.917)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(221.827)	167.810
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.355.914.684)	(18.421.543.220)
- Chi phí lãi vay	06	-	16.555.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***552.626.356***	***(359.396.355)***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.508.335.519)	(2.335.247.865)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.301.110.672)	564.716.030
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(698.660.968)	84.517.674
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(83.666.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(771.568.525)	(659.725.340)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(701.396.565)	(1.589.876.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(9.428.445.893)***	***(4.378.678.523)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.248.869.091)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(36.800.000.000)	(49.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	88.200.000.000	14.050.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.060.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.912.287.352	18.934.498.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***69.252.287.352***	***(17.764.371.038)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(6.413.155.710)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.965.824.000)	(21.702.905.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(14.965.824.000)***	***(32.116.061.124)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**44.858.017.459**	**(54.259.110.685)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**11.162.131.062**	**65.421.409.557**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	221.827	(167.810)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**56.020.370.348**	**11.162.131.062**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 11 người (tại ngày 31/12/2019 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bãi, dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty/chi nhánh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính riêng. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam: Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.
- Các cổ đông lớn: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Hàng hải Macs, Ông Nguyễn Thành Lê, Bà Nguyễn Thị Nhung (đã không còn là cổ đông lớn từ ngày 03/12/2020).

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.099.146.686	2.266.140.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.921.223.662	2.895.990.990
Các khoản tương đương tiền (i)	51.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**56.020.370.348**	**11.162.131.062**

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	-	-	**45.000.000.000**	**45.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**1.635.912.548**	**1.363.014.519**
Công ty TNHH TJP Vina	404.666.589	200.279.823
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	308.189.125	408.936.330
Các đối tượng khác	923.056.834	753.798.366
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 27)	**195.854.593**	**186.280.267**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**16.507.668.014**	**-**	**16.183.066.529**	**-**
Tạm ứng	**1.870.189.500**	**-**	**1.306.781.000**	**-**
Ký cược, ký quỹ	**10.000.000**		**-**	
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	**90.260.274**	**-**	**1.228.000.000**	**-**
Phải thu lãi vay ngắn hạn - Bên liên quan	**40.701.370**	**-**	**170.991.780**	**-**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	-	16.416.438	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	40.701.370	-	154.575.342	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	**10.195.447.870**	**-**	**11.691.829.738**	**-**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.351.701.893	-	3.616.092.055	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.620.017.747	-	6.130.412.592	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	387.065.713	-	1.911.436.125	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	836.662.517		33.888.966	-
Các khoản phải thu khác	**4.301.069.000**	**-**	**1.785.464.011**	**-**
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải - Bên liên quan	4.267.340.000	-	1.707.904.000	-
Các khoản phải thu khác	33.729.000	-	77.560.011	-
b) Dài hạn	**92.000.000**	**-**	**5.000.000**	**-**
Tạm ứng	17.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	5.000.000	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**415.005.908**	**30.708.631**
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	383.333.333	-
- Chi phí sửa chữa	-	4.704.545
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.672.575	26.004.086
b) Dài hạn	**423.206.328**	**108.842.637**
- Chi phí cải tạo văn phòng	333.371.979	-
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	5.370.249	17.510.670
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	84.464.100	91.331.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	**8.800.000.000**	**8.800.000.000**	**15.200.000.000**	**15.200.000.000**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	-	5.300.000.000	5.300.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (i)	8.800.000.000	8.800.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000

Ghi chú:

(i) Khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng cho vay số 01/HDVV/2020 ngày 04/04/2020 số tiền 800.000.000 VND, Hợp đồng cho vay số 02/HDVV/2020 ngày 20/07/2020 số tiền 6.000.000.000 VND và Hợp đồng vay vốn số 03/HDVV/2020 ngày 27/08/2020 số tiền 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

10. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	**31.348.182**	**9.253.638.408**	**43.727.274**	**9.328.713.864**
Số cuối năm	**31.348.182**	**9.253.638.408**	**43.727.274**	**9.328.713.864**
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	**31.348.182**	**7.987.038.289**	**43.727.274**	**8.062.113.745**
Khấu hao trong năm	-	173.839.652	-	173.839.652
Số cuối năm	**31.348.182**	**8.160.877.941**	**43.727.274**	**8.235.953.397**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	**-**	**1.266.600.119**	**-**	**1.266.600.119**
Số cuối năm	**-**	**1.092.760.467**	**-**	**1.092.760.467**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 8.079.844.762 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 7.492.410.773 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con	**167.096.120.074**	**(1.504.479.285)**	**-**	**163.036.120.074**	**(1.725.758.834)**	**-**
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	60.990.000.000	(146.908.066)	(i)	60.990.000.000	(164.424.148)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	-	(i)	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	32.867.444.563	-	(i)	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	14.503.099.339	-	(i)	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	6.500.000.000	-	(i)	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (ii)	2.520.000.000	(1.356.541.475)	(i)	2.520.000.000	(1.561.334.686)	(i)
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (ii)	1.000.000.000	(1.029.744)	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	3.060.000.000	-	(i)	-	-	(i)

Ghi chú:

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con tại ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%	Kinh doanh kho bãi và thương mại
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Thương mại
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	Thương mại
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Thương mại

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Công ty con là Công ty TNHH Container Minh Thành ("Minh Thành"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 vẫn duy trì ổn định, Công ty đã bắt đầu có lãi. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Container Minh Thành được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải ("Tasaco"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 1,1 tỷ đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Duyên hải được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải ("Trading"): hoạt động kinh doanh trong năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 853 triệu đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải ("Đường bộ Duyên hải"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 4,4 tỷ đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ ("Duyên hải Phú Thọ"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 9,5 tỷ đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội ("Duyên hải Hà Nội"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 tăng trưởng so với năm trước, lợi nhuận khoảng 200 triệu đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải ("Công nghệ Duyên hải"): Thành lập và đi vào hoạt động năm 2020, doanh thu chưa phát sinh. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên hải được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Công ty con là Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam ("Fujiaire"): Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 bắt đầu phát sinh doanh thu, lợi nhuận đạt khoảng 167 triệu đồng. Số dư và giao dịch của Công ty với Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam được trình bày ở Thuyết minh số 27 - Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	**1.038.579.164**	**1.038.579.164**	**1.922.738.683**	**1.922.738.683**
CN Công ty CP đại lý Hàng Hải VN-ĐL Hàng Hải HP	116.831.220	116.831.220	35.541.900	35.541.900
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	61.380.450	61.380.450	92.892.450	92.892.450
Các đối tượng khác	860.367.494	860.367.494	1.794.304.333	1.794.304.333
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 27)	**824.854.224**	**824.854.224**	**1.551.462.583**	**1.551.462.583**

Các khoản nợ trên đều là nợ trong hạn và có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	98.738.276	964.258.929	974.987.204	88.010.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.813.935	565.031.923	771.568.525	5.277.333
Thuế thu nhập cá nhân	36.268.675	558.038.368	578.625.483	15.681.560
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**346.820.886**	**2.091.329.220**	**2.329.181.212**	**108.968.894**

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	**2.017.010.594**	**4.955.978.118**
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	610.434.000	520.989.600
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con	791.960.664	612.372.588
Các khoản phải trả khác	14.615.930	12.615.930
Các khoản phải trả phải nộp khác - Bên liên quan	600.000.000	3.810.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	*-*	*3.000.000.000*
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên hải Hà Nội	*600.000.000*	*810.000.000*
Dài hạn	**78.000.000**	**3.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.000.000	3.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên hải Hà Nội - Bên liên quan	*25.000.000*	*-*
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam - Bên liên quan	*35.000.000*	*-*
- Các đối tượng khác	*18.000.000*	*3.000.000*
Cộng	**2.095.010.594**	**4.958.978.118**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**187.110.000.000**	**9.772.359.500**	**(15.682.334.790)**	**794.026.037**	**259.392.390**	**72.657.155.790**	**254.910.598.927**
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(6.413.155.710)	-	-	-	(6.413.155.710)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.059.098.355	17.059.098.355
Phân phối lợi nhuận 2018	-	-	-	31.523.976	31.523.976	(21.870.717.442)	(21.807.669.490)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	375.405.686	-	375.405.686
Giảm khác	-	-	-	-	(595.783.000)	(201.093.000)	(796.876.000)
Số dư đầu năm nay	**187.110.000.000**	**9.772.359.500**	**(22.095.490.500)**	**825.550.013**	**70.539.052**	**67.644.443.703**	**243.327.401.768**
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	18.391.170.841	18.391.170.841
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	49.596.839	49.596.839	(15.204.058.917)	(15.104.865.239)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	306.186.294
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-		(317.790.000)	(169.416.565)	(487.206.565)
Số dư cuối năm nay	**187.110.000.000**	**9.772.359.500**	**(22.095.490.500)**	**875.146.852**	**108.532.185**	**70.662.139.062**	**246.432.687.099**

Ghi chú:

(i) Trong năm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2019	6.691.230.400
Tạm chi trả cổ tức năm 2020	8.364.038.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	49.596.839
Quỹ đầu tư phát triển	49.596.839
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	49.596.839
	15.204.058.917

Số cổ tức Công ty đã trả trong năm là 14.965.824.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**18.711.000**	**18.711.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**18.711.000**	**18.711.000**
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**1.982.924**	**1.982.924**
+ Cổ phiếu phổ thông	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**16.728.076**	**16.728.076**
+ Cổ phiếu phổ thông	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	**10.000**	**10.000**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	187.110.000.000	187.110.000.000
Cổ phiếu quỹ	(19.829.240.000)	(19.829.240.000)

Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/04/2015:

Số lượng chứng khoán chào bán	3.303.000	Cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán	37.984.500.000	VND
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	VND
Tổng số lượng huy động vốn từ đợt chào bán	37.842.500.000	VND
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán, Công ty đã nhận chuyển nhượng 51% vốn góp tại Công ty TNHH Fujiaire Việt Nam với số tiền 3.060.000.000 VND.

Số tiền còn lại 34.782.500.000 VND, Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (số dư tại 31/12/2020 là 20.000.000.000 VND), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (số dư tại 31/12/2020 là 16.000.000.000 VND) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hải Phòng (số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 15.000.000.000 VND).

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	1.400,39	6.055,60

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**28.537.936.196**	**23.331.508.243**
Doanh thu bãi	16.426.618.273	15.219.024.249
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	9.412.536.670	6.152.033.454
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	2.287.284.772	1.741.530.700
Doanh thu dịch vụ khác	411.496.481	218.919.840
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	**960.474.329**	**1.785.115.630**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bãi	14.475.938.256	14.264.867.421
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	6.721.948.198	4.346.465.885
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	1.664.925.443	1.049.586.719
Giá vốn dịch vụ khác	245.524.392	82.687.164
Cộng	**23.108.336.289**	**19.743.607.189**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.541.541.000	2.159.205.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.839.652	350.222.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.191.120.459	21.287.945.837
Chi phí khác bằng tiền	251.787.600	229.702.200
Cộng	**28.158.288.711**	**24.027.075.543**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	14.920.260.454	14.593.281.617
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.435.654.230	3.828.261.603
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.091.971	685.573
Cộng	**18.359.006.655**	**18.422.228.793**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	16.555.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.730.925	879.769
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(221.279.549)	(17.365.917)
Cộng	**(217.548.624)**	**69.408**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.541.541.000	2.159.205.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.839.652	89.965.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.784.170	1.800.596.020
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	251.787.600	229.702.200
Cộng	**5.049.952.422**	**4.283.468.354**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**18.956.202.764**	**17.712.566.910**
Điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế (i)	**(14.920.260.454)**	**(14.579.256.442)**
+Cổ tức lợi nhuận được chia	(14.920.260.454)	(14.593.281.617)
Cộng: Chi phí không được trừ	-	*14.025.175*
Thu nhập chịu thuế	**4.035.942.310**	**3.133.310.468**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	807.188.462	626.662.093
Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo biên bản thanh tra thuế	-	26.806.462
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết 116/2020/QH14 (ii)	(242.156.539)	-
Tổng CP thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	**565.031.923**	**653.468.555**

Ghi chú:

(i) Ngoài khoản thu nhập không chịu thuế với số tiền 14.920.260.454 VND, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

(ii) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về việc giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Theo đó, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Công ty đã xác định giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ bãi, dịch vụ cước biển. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ghi nhận vào chi phí trong năm	76.666.667	-
Cộng	**76.666.667**	**-**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trong vòng một năm	960.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.263.333.333	-
Cộng	**4.223.333.333**	**-**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê nhà tại số 416 Xã Đàn, thành phố Hà Nội với giá thuê 80.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê nhà được ký với thời hạn từ ngày 20/11/2020 đến ngày 14/05/2025.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(56.020.370.348)	(11.162.131.062)
Vốn chủ sở hữu	246.432.687.099	243.327.401.768
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,00%**	**0,00%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	56.020.370.348	11.162.131.062	56.020.370.348	11.162.131.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.035.580.562	32.751.081.048	27.035.580.562	32.751.081.048
Đầu tư tài chính dài hạn	165.591.640.789	161.310.361.240	165.591.640.789	161.310.361.240
Các khoản ký quỹ	75.000.000	5.000.000	75.000.000	5.000.000
Tổng cộng	**248.722.591.699**	**250.228.573.350**	**248.722.591.699**	**250.228.573.350**
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.133.589.758	6.881.716.801	3.133.589.758	6.881.716.801
Chi phí phải trả	592.041.000	827.652.600	592.041.000	827.652.600
Tổng cộng	**3.725.630.758**	**7.709.369.401**	**3.725.630.758**	**7.709.369.401**

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.020.370.348	-	56.020.370.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.143.580.562	8.892.000.000	27.035.580.562
Đầu tư tài chính dài hạn	-	165.591.640.789	165.591.640.789
Các khoản ký quỹ	-	75.000.000	75.000.000
Tổng cộng	**74.163.950.910**	**174.558.640.789**	**248.722.591.699**
Tại ngày cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.055.589.758	78.000.000	3.133.589.758
Chi phí phải trả	592.041.000	-	592.041.000
Tổng cộng	**3.647.630.758**	**78.000.000**	**3.725.630.758**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**70.516.320.152**	**174.480.640.789**	**244.996.960.941**
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.162.131.062	-	11.162.131.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.546.081.048	15.205.000.000	32.751.081.048
Đầu tư tài chính dài hạn	-	161.310.361.240	161.310.361.240
Các khoản ký quỹ	-	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	**73.708.212.110**	**176.520.361.240**	**250.228.573.350**
Tại ngày đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.878.716.801	3.000.000	6.881.716.801
Chi phí phải trả	827.652.600	-	827.652.600
Tổng cộng	**7.706.369.401**	**3.000.000**	**7.709.369.401**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**66.001.842.709**	**176.517.361.240**	**242.519.203.949**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 6 - Phải thu khách hàng ngắn hạn, Thuyết minh số 12 - Phải trả người bán ngắn hạn, chi tiết số dư với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**195.854.593**	**186.280.267**
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	24.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	66.000.000	165.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	41.854.593	21.280.267
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	64.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	**824.854.224**	**1.551.462.583**
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	737.074.224	1.537.250.583
Công ty TNHH Container Minh Thành	87.780.000	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	11.440.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	2.772.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 17 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi tiết số dư với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	**9.506.454.545**	**8.091.749.533**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.555.000	51.729.046
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	8.362.495.000	7.905.193.213
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	53.454.545	134.827.274
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.087.950.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**960.474.329**	**1.785.115.630**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	441.860.233	764.992.456
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	120.871.388	152.865.773
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	230.265.502	231.775.725
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	95.234.806	633.548.718
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	32.242.400	1.932.958
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	40.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính	**565.819.175**	**778.827.397**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	156.241.094	212.942.465
Công ty TNHH Container Minh Thành	409.578.081	565.884.932
Góp vốn	**1.000.000.000**	-
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	1.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp	**3.060.000.000**	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	3.060.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**14.920.260.454**	**14.593.281.617**
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.129.676.287	3.468.496.461
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	793.975.654	1.126.571.997
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	981.483.616	276.306.030
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	9.015.124.897	9.721.907.129
Chi phí lãi vay	-	**16.555.556**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	16.555.556

Thu nhập, thù lao, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	1.549.489.468	1.442.289.300

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Phan Thanh Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2021